

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN  
MIỀN BẮC 2**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Phúc Hường	Ủy viên
Ông Ứng Hồng Vận	Ủy viên
Bà Mạc Thị Thanh Xuân	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Ứng Hồng Vận	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc (nghỉ hưu từ tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nhu	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trần Vĩnh Hào	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Ứng Hồng Vận**  
Giám đốc

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Số: 538 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang theo dõi trên Tài khoản 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và Tài khoản 242 “Chi phí trả trước dài hạn” các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

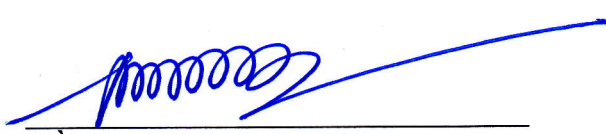
Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền 22.398.340.241 đồng (số lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 85.948.177.029 đồng) vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại bảng cân đối kế toán. Chi phí quản lý dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 02 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Trần Quang Huy**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1675-2013-001-1

001  
CÔ  
CH N  
DEL  
VIỆ  
ĐA

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)</b>	<b>100</b>		<b>147.791.262.206</b>	<b>132.960.837.022</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>16.878.405.960</b>	<b>37.523.209.480</b>
1. Tiền	111		16.878.405.960	37.523.209.480
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.095.112.177</b>	<b>82.345.502.204</b>
1. Trả trước cho người bán	132	6	23.890.917.076	78.686.480.549
2. Các khoản phải thu khác	135	7	101.204.195.101	3.659.021.655
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.817.744.069</b>	<b>13.092.125.338</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		229.460.925	12.167.749.990
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.738.058	36.494.287
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	5.556.545.086	887.881.061
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>1.886.657.675.925</b>	<b>1.369.800.123.599</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.876.098.706.402</b>	<b>1.359.015.970.050</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	360.019.917	481.948.400
- Nguyên giá	222		1.740.315.924	2.511.502.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.380.296.007)	(2.029.553.693)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
- Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.558.969.523</b>	<b>10.784.153.549</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.558.969.523	10.784.153.549
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.034.448.938.131</b>	<b>1.502.760.960.621</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.598.142.634.338</b>	<b>1.128.624.621.488</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>308.393.077.387</b>	<b>166.250.764.133</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	121.405.467.106	46.578.861.647
2. Phải trả người bán	312		122.729.726.738	88.061.309.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.462.248.239	59.539.649
4. Phải trả người lao động	315		4.266.308.565	2.174.377.001
5. Chi phí phải trả	316	15	26.152.042.285	21.786.224.066
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	28.377.284.454	7.590.452.253
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.289.749.556.951</b>	<b>962.373.857.355</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		210.000.000	224.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.289.539.556.951	962.149.857.355
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>436.306.303.793</b>	<b>374.136.339.133</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>436.306.303.793</b>	<b>374.136.339.133</b>
1. Vốn điều lệ	411		415.296.507.633	353.296.507.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.628.956.068	8.607.542.231
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.738.390.092	1.589.839.269
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.034.448.938.131</b>	<b>1.502.760.960.621</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
1 Ngoại tệ các loại		
USD	487	523



Ứng Hồng Vận  
Giám đốc

Đình Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy  
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		172.587.387	434.553.759
7. Chi phí tài chính	22		11.419.217	94.671.633
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	17.500.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		161.168.170	339.882.126
11. Thu nhập khác	31		73.337.083	8.000.000
12. Chi phí khác	32		44.055.481	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		29.281.602	8.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		190.449.772	347.882.126
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		41.898.949	86.788.714
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		148.550.823	261.093.412
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	4	10



Ông Hồng Văn  
 Giám đốc

Đình Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy  
 Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	190.449.772	347.882.126
2. Điều chỉnh cho các khoản			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(238.587.387)	(434.553.759)
Chi phí lãi vay	06	-	17.500.000
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(48.137.615)	(69.171.633)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.310.291.433)	(49.322.235.072)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.751.792.277	16.718.224.925
Thay đổi chi phí trả trước	12	225.184.026	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(116.029.706)	(2.772.816)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(727.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.502.517.549</b>	<b>(32.676.681.869)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(494.602.213.511)	(350.210.716.520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	66.000.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay	27	172.587.387	434.553.759
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(494.363.626.124)</b>	<b>(349.776.162.761)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	62.000.000.000	159.400.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	490.047.305.055	488.138.244.036
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.831.000.000)	(227.801.377.790)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>464.216.305.055</b>	<b>419.736.866.246</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(20.644.803.520)</b>	<b>37.284.021.616</b>
Tiền đầu năm	60	37.523.209.480	239.187.864
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	16.878.405.960	37.523.209.480

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 148.881.769.023 đồng (năm 2013 là 109.847.533.583 đồng) - là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Ứng Hồng Vận  
Giám đốc

Đình Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy  
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 45 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2014 với số tiền 22.398.340.241 đồng vào giá trị đầu tư công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán (số lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 85.948.177.029 đồng). Chi phí quản lý Dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lũy kế và phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phát sinh doanh thu chạy thử với số tiền 81.964.494.775 đồng, toàn bộ doanh thu phát sinh đã được kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty không chắc chắn về khả năng tạo ra lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.272.396.028	1.971.876
Tiền gửi ngân hàng	14.606.009.932	37.521.237.604
	<u>16.878.405.960</u>	<u>37.523.209.480</u>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vimenco	8.288.860.083	5.779.967.834
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	5.342.519.060	28.282.121.114
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	3.445.716.404	14.199.294.571
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Hà Thành	656.174.463	656.174.463
Công ty Điện lực Lào Cai	11.295.911	307.000.000
Công ty Xây lắp Điện I	-	3.825.531.780
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	4.353.488.692
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	16.473.407.600
Các đối tượng khác	6.146.351.155	4.809.494.495
	<u>23.890.917.076</u>	<u>78.686.480.549</u>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Mua bán điện (*)	98.160.494.316	-
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	931.955.106	931.955.106
Công ty Cổ phần Vimenco	410.433.541	480.732.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	374.016.970	334.043.470
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	28.702.100	305.252.640
Các khoản phải thu khác	1.298.593.068	1.607.037.673
	<u>101.204.195.101</u>	<u>3.659.021.655</u>

(\*) Phải thu Công ty Mua bán điện phản ánh doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của Nhà máy.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng (*)	5.305.572.372	636.908.347
Ký quỹ, ký cược	250.972.714	250.972.714
	<b>5.556.545.086</b>	<b>887.881.061</b>

(\*) Các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện công tác đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc khu vực đường dây 110KV của Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	2.161.193.746	66.050.958	2.511.502.093
Tăng trong năm	45.354.545	-	-	45.354.545
Mua sắm	45.354.545	-	-	45.354.545
Giảm trong năm	-	816.540.714	-	816.540.714
Thanh lý, nhượng bán	-	816.540.714	-	816.540.714
Tại ngày 31/12/2014	<b>329.611.934</b>	<b>1.344.653.032</b>	<b>66.050.958</b>	<b>1.740.315.924</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY</b>				
Tại ngày 01/01/2014	284.257.389	1.679.245.346	66.050.958	2.029.553.693
Tăng trong năm	5.039.392	162.243.636	-	167.283.028
Khấu hao trong năm	5.039.392	162.243.636	-	167.283.028
Giảm trong năm	-	816.540.714	-	816.540.714
Thanh lý, nhượng bán	-	816.540.714	-	816.540.714
Tại ngày 31/12/2014	<b>289.296.781</b>	<b>1.024.948.268</b>	<b>66.050.958</b>	<b>1.380.296.007</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	<b>40.315.153</b>	<b>319.704.764</b>	<b>-</b>	<b>360.019.917</b>
Tại ngày 31/12/2013	-	481.948.400	-	481.948.400

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 721.499.561 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.538.040.275 đồng).

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Giá trị quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	1.859.169.067.017	1.341.964.402.182
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sừ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	<u>1.867.447.381.354</u>	<u>1.350.242.716.519</u>

- (i) Bao gồm chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 486.504.020.621 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 349.719.457.362 đồng).

Toàn bộ giá trị dự án Công trình Thủy điện Ngòi Phát được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 17.

- (ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sừ Pán, Tà Thàng với tổng số tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí thiết bị văn phòng	23.713.419	248.897.445
	<u>10.558.969.523</u>	<u>10.784.153.549</u>

- (i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Vimeco (i)	500.000.000	500.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả:</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	105.911.467.106	41.080.861.647
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	14.994.000.000	4.998.000.000
	<u>121.405.467.106</u>	<u>46.578.861.647</u>

(i) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký khế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh thuế tài nguyên nước phải nộp, khoản thuế này được xác định theo sản lượng điện sản xuất trong năm với đơn giá 60.354 đồng/kwh.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	26.152.042.285	21.786.224.066
	<u>26.152.042.285</u>	<u>21.786.224.066</u>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phí bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh thanh toán phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.957.226.776	7.208.918.919
Phí dịch vụ môi trường rừng phải nộp	1.810.070.000	-
Các khoản phải trả khác	609.987.678	381.533.334
	<u>28.377.284.454</u>	<u>7.590.452.253</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	953.203.203.951	657.293.786.355
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	336.336.353.000	304.856.071.000
	<u><b>1.289.539.556.951</b></u>	<u><b>962.149.857.355</b></u>

- (i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (=) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:
- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
  - Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại Dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2013/PL với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NED12-SGD/HĐTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là ngày 25 tháng 8 năm 2014 và sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 923 tỷ đồng.

- (ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp cho khoản vay này.

Ngày 27 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0/2013/HĐSBĐS với Ngân hàng Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 30 tháng 6 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là tháng 6 năm 2014.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	120.905.467.106	46.078.861.647
Trong năm thứ hai	160.499.467.106	97.155.723.294
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	406.918.401.317	514.037.169.883
Sau năm năm	722.121.688.528	350.956.964.178
	<u>1.410.445.024.057</u>	<u>1.008.228.719.002</u>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	<i>120.905.467.106</i>	<i>46.078.861.647</i>
<b>Số được trả sau 12 tháng</b>	<u><b>1.289.539.556.951</b></u>	<u><b>962.149.857.355</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	193.896.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	214.736.339.133
Nhận vốn góp	159.400.000.000	-	-	-	159.400.000.000
Tại ngày 01/01/2014	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133
Nhận vốn góp	62.000.000.000	-	-	-	62.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	148.550.823	148.550.823
Chênh lệch tỷ giá	-	-	21.413.837	-	21.413.837
Tại ngày 31/12/2014	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	41.529.650	35.329.650
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	35.329.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	41.529.650	35.329.650

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/2014	31/12/2013
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	317.000.007.633	255.000.007.633
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	13.083.250.000	13.083.250.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimenco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	8.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	73.970.250.000	73.970.250.000
	<b>50.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>415.296.507.633</b>	<b>353.296.507.633</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2014	2013
Lợi nhuận sau thuế (VND)	148.550.823	261.093.412
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	36.178.965	27.342.965
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4	10

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 17, trừ đi tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.410.945.024.057	1.008.728.719.002
Trừ: Tiền	16.878.405.960	37.523.209.480
Nợ thuần	1.394.066.618.097	971.205.509.522
Vốn chủ sở hữu	436.306.303.793	374.136.339.133
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>3,20</b>	<b>2,60</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	16.878.405.960	37.523.209.480
Phải thu khác	101.204.195.101	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	250.972.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.333.573.775</b>	<b>41.433.203.849</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.410.945.024.057	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	151.096.799.846	95.651.761.770
Chi phí phải trả	26.152.042.285	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	210.000.000	224.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.588.403.866.188</b>	<b>1.126.390.704.838</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD)	5.352.860.551	28.282.121.114	46.842.029.865	21.521.368.627

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy tỷ giá vì Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh chưa phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, do đó, tỷ giá biến động sẽ không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất vì Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, mục đích của các khoản vay đều là phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản nên toàn bộ lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình, do đó, lãi vay biến động do lãi suất biến động sẽ chỉ ảnh hưởng đến giá trị lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình mà không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền	16.878.405.960	-	-	16.878.405.960
Phải thu khác	101.204.195.101	-	-	101.204.195.101
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.333.573.775</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>118.333.573.775</b>
31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	121.405.467.106	567.417.868.423	722.121.688.528	1.410.945.024.057
Phải trả người bán và phải trả khác	151.096.799.846	-	-	151.096.799.846
Chi phí phải trả	26.152.042.285	-	-	26.152.042.285
Công nợ tài chính khác	-	210.000.000	-	210.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>298.654.309.237</b>	<b>567.627.868.423</b>	<b>722.121.688.528</b>	<b>1.588.403.866.188</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(180.320.735.462)</b>	<b>(567.627.868.423)</b>	<b>(722.121.688.528)</b>	<b>(1.470.070.292.413)</b>
31/12/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền	37.523.209.480	-	-	37.523.209.480
Phải thu khác	3.659.021.655	-	-	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.433.203.849</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.433.203.849</b>
31/12/2013	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	46.578.861.647	611.192.893.177	350.956.964.178	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	95.651.761.770	-	-	95.651.761.770
Chi phí phải trả	21.786.224.066	-	-	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	-	224.000.000	-	224.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>164.016.847.483</b>	<b>611.416.893.177</b>	<b>350.956.964.178</b>	<b>1.126.390.704.838</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(122.583.643.634)</b>	<b>(611.416.893.177)</b>	<b>(350.956.964.178)</b>	<b>(1.084.957.500.989)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính, và Công ty đang thiếu hụt khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục và hoàn thành dự án, Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và Ngân hàng Phát triển Việt Nam ("VDB") đã ký kết các Phụ lục Hợp đồng, theo đó các ngân hàng đồng ý điều chỉnh hạn mức của các Hợp đồng tín dụng đảm bảo Công ty có thể huy động đủ vốn để hoàn thành dự án và phát điện thương mại, đảm bảo tính khả thi của Dự án thủy điện Ngòi Phát. Đồng thời, theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ chính thức phát điện thương mại trong năm 2015, do đó Công ty sẽ có dòng tiền vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Với các kế hoạch nêu trên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành dự án đúng kế hoạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vimeco	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng công ty mẹ

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vimeco	59.653.478.790	34.379.681.417
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	33.893.164.257	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	19.279.696.261	22.379.423.442
<b>Nhận vốn góp</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	62.000.000.000	123.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	8.387.000.000	8.387.000.000

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương	1.456.321.385	1.007.278.455
	<b>1.456.321.385</b>	<b>1.007.278.455</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng và phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	374.016.970	334.043.470
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	646.015.724	646.015.724
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5	147.653.325	-
Công ty Cổ phần Vimeco	410.433.541	480.732.766
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	3.445.716.404	14.199.294.571
Công ty Cổ phần Vimeco	8.288.860.083	5.779.967.834
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	16.473.407.600
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	76.023.811	122.365.995
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	500.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	13.887.490.766	12.474.348.977
Công ty Cổ phần Vimeco	28.518.110.352	27.024.698.801
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	1.469.266.060	2.436.375.131
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	331.113.534	291.735.754
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 - Vinaconex 5	8.354.286.295	10.421.336.986
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	25.957.226.776	7.208.918.919
Công ty Cổ phần Vimeco	41.158.810	41.158.810

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Tiền lãi vay đã trả	13	(191.009.585.975)	191.009.585.975	-
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(159.201.130.545)	(191.009.585.975)	(350.210.716.520)



**Ứng Hồng Vận**  
Giám đốc

**Đình Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng

**Trần Ngọc Thủy**  
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2015